

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/DS-PT

Ngày 24-12-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vi Đức Trí

**Các Thẩm phán:** Bà Nguyễn Thị Hoa

Bà Lương Thị Nguyệt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/ST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn, bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Giang Thị C (Giang Thị D), sinh năm 1972; cư trú tại: Thôn R, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Đức D, sinh năm 1976; cư trú tại: Số nhà 10. Ngõ 129, đường T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Hoàng Đức D: Ông Triệu Quang H, sinh năm 1979; đơn vị công tác Công ty Luật TNHH MTV G, địa chỉ: 738 B, phường Đ, thành phố L; có mặt.

- **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1970; cư trú tại: Số nhà 117, đường Tôn Thất Tùng, khu An Thịnh, thị trấn Hữu Lũng, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Ông Hoàng Đức D, là bị đơn.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Giang Thị C và ông Hoàng Đức D do có quan hệ quen biết từ trước nên khi ông Hoàng Đức D đến nhà bà hỏi vay tiền bà đã đồng ý cho vay. Việc vay tiền hoàn toàn tự nguyện, chỉ mình bà cho ông Hoàng Đức D vay, không có ai trong gia đình bà hay gia đình ông Hoàng Đức D được biết và có liên quan. Ban đầu, do tin tưởng ông Hoàng Đức H nên bà cho ông vay tiền không bắt ông phải ký kết giấy tờ gì mà chỉ là thoả thuận miệng sau khi vay tiền ông Hoàng Đức H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà. Bà đã cho ông Hoàng Đức D vay tiền nhiều lần, ông Hoàng Đức D cũng đều thực hiện trách nhiệm trả nợ cho bà. Đến thời điểm ngày 28/11/2016, khi ông Hoàng Đức D vay tiền bà yêu cầu ông Hoàng Đức D viết giấy, nguyên nhân do trước ngày 28/11/2016 âm lịch tổng số tiền ông Hoàng Đức D vay bà là 100.000.000 đồng, đến ngày 29/7/2016 âm lịch ông Hoàng Đức D trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng, khi trả ông Hoàng Đức D

đã yêu cầu bà phải viết giấy đã nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng cho ông nên bà đã viết giấy nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng, ông Hoàng Đức D khi đó cũng có hạn số tiền 50.000.000 đồng còn lại sẽ được trả hết vào tháng 12. Đến ngày 28/11/2016 âm lịch, ông Hoàng Đức D hỏi vay thêm số tiền là 50.000.000 đồng nữa để cộng lại thành 100.000.000 đồng, nên bà yêu cầu ông Hoàng Đức H phải viết giấy cụ thể thì mới cho vay, ông Hoàng Đức D đồng ý viết giấy với nội dung vay 100.000.000 đồng. Sau khi ông Hoàng Đức D viết giấy có nội dung vay 100.000.000 đồng bà đã giao thêm cho ông số tiền 50.000.000 đồng, bà thực hiện giao tiền mặt cho ông Hoàng Đức D, giao tại nhà bà và không có ai khác chứng kiến. Tổng số tiền nợ gốc ông Hoàng Đức D còn nợ bà là 100.000.000 đồng chẵn. Sau khi ông Hoàng Đức D vay được tiền, bà đã rất nhiều lần liên hệ để đòi ông nhưng ông đều khất lần sau đó lại chặn liên hệ với bà nên bà không thể đòi tiền được. Do đó, bà đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Hoàng Đức D phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định tạm tính từ ngày 26/12/2016 đến ngày 26/03/2024 là  $87 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng} = 130.500.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng yêu cầu ông Hoàng Đức D phải trả cho bà số tiền 230.500.000 đồng và ông D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 26/3/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà Giang Thị C giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Hoàng Đức D phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 1,5%/tháng tính từ ngày 26/12/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ.

*Bị đơn ông Hoàng Đức D và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:*

Vào khoảng tháng 11/2016 âm lịch bà Nguyễn Thị V là hàng xóm với ông có nhờ ông vay của bà Giang Thị D số tiền là 100.000.000 đồng. Do bà Nguyễn Thị V làm ăn và nợ tiền của bà Giang Thị D, ông là hàng xóm quen biết với bà Nguyễn Thị V vì cả nê nên đã đứng ra vay hộ bà Nguyễn Thị V số tiền là 100.000.000 đồng. Sau đó ông được viết và ký xác nhận vào Giấy vay tiền đề ngày 28/11/2016. Sau khi viết giấy vay nợ với bà Giang Thị D, ông không được tham gia vào việc giao nhận số tiền 100.000.000 đồng, việc giao nhận tiền do bà Giang Thị D và bà Nguyễn Thị V trực tiếp làm việc với nhau do ông chỉ vay hộ cho bà Nguyễn Thị V. Đến thời hạn trả nợ bà Giang Thị D có thông báo về việc nợ số tiền 100.000.000 đồng thì ông mới biết là bị lừa. Ngày 29/7/2017 âm lịch ông có nhờ bà Nguyễn Thị V cầm số tiền 50.000.000 đồng để trả cho bà Giang Thị D, khi bà Nguyễn Thị V trả tiền bà Giang Thị D có viết giấy xác nhận ông đã trả số tiền 50.000.000 đồng và bà Giang Thị D được ký xác nhận vào tờ giấy đó. Đối với số tiền 50.000.000 đồng còn lại theo như cam kết đến tháng 12/2017 âm lịch ông đã trả hết. Việc trả tiền lần này ông đã đưa tiền cho bà Nguyễn Thị V để trả cho bà Giang Thị D, vì tin tưởng nhau nên khi trả tiền hai bên không lập giấy tờ nhưng bà Nguyễn Thị V là người trực tiếp đi trả tiền biết sự việc. Nay bà Giang Thị C khởi kiện yêu cầu ông phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định tạm tính từ ngày 26/12/2016 đến ngày 26/03/2024 là 87 tháng x 1,5%/tháng = 130.500.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu ông phải trả số tiền 230.500.000 đồng và yêu cầu ông còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 26/3/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án, ông không đồng ý. Vì ông chỉ được vay tiền với bà Giang Thị D, địa chỉ: thôn R, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và ông cũng đã trả đủ cho bà Giang Thị D số tiền 100.000.000 đồng, cụ thể lần 1 trả 50.000.000 đồng vào ngày 29/7/2017 âm lịch, lần 2 trả 50.000.000 đồng vào tháng 12/2017 âm lịch. Ngoài ra ông xác nhận không có quen biết gì và không được vay tiền của bà Giang Thị C. Do vậy việc bà Giang Thị C khởi kiện yêu cầu ông phải trả số tiền nêu trên là hoàn toàn không đúng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hoàng Đức D vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, ông Triệu Quang H đề nghị áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án theo quy định và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giang Thị C.

*Người làm chứng bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Bà không có quan hệ hay quen biết gì với ông Hoàng Đức D và bà Giang Thị C (hay còn gọi là D), cách đây khoảng hơn 20 năm khi bà còn bán thịt lợn thì có biết hai người do là khách mua hàng, sau đó không bán nữa cũng không gặp hai người. Nay ông Hoàng Đức D cho rằng bà nhờ ông đứng ra vay tiền cho bà Giang Thị C là không đúng, bà không có liên hệ gì với ông Hoàng Đức H sao ông lại đứng ra vay hộ tiền cho bà như vậy. Đối với bà Giang Thị C bà cũng không được vay mượn tiền gì của bà Giang Thị C. Đề nghị Tòa án không triệu tập bà vì bà không có liên quan gì.

Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc, bị đơn đề nghị không áp dụng thời hiệu; đối với khoản lãi trên nợ gốc, bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với khoản tiền lãi trên số nợ gốc.

Tại Bản án sơ thẩm số 21/2024/ST-DS ngày 29-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 16, 19, 117, 118, 119, 120, 155, 429, 463, 465, 466, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giang Thị C, buộc ông Hoàng Đức D phải trả cho bà Giang Thị C số tiền 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lãi chậm trả; nghĩa vụ về án phí; về quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn, ông Hoàng Đức D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn đối với Bản án sơ thẩm số 21/2024/ST-DS ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Qua tranh tụng: Nguyên đơn, bà Giang Thị C (Giang Thị Dung) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm; bị đơn ông Hoàng Đức D vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Triệu Quang H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Hoàng Đức D trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Huyện Hữu Lũng về phần buộc ông Hoàng Đức D phải trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, chấp nhận kháng nghị về phần tuyên của bản án sơ thẩm đình chỉ về yêu cầu trả lãi trên nợ gốc; nguyên đơn bà Giang Thị C (Giang Thị Dung) không chấp nhận toàn bộ kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng

mặt đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có ý kiến lời khai cụ thể trong hồ sơ vụ án.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Giang Thị C (Dung) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Huyện Hữu Lũng và kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận có việc ông Hoàng Đức D vay bà Giang Thị D số tiền 100.000.000 đồng ngày 28/11/2016 (âm lịch) và ông Hoàng Đức D đã thanh toán cho bà Giang Thị D số tiền 50.000.000 đồng theo giấy nhận tiền ngày 29/7 âm không ghi cụ thể năm nào, nhưng các bên đương sự trình bày khác nhau về số lần cho vay tiền và việc thanh toán số tiền 50.000.000 đồng.

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án thấy, trước khi bị đơn xuất trình giấy nhận tiền 50.000.000 đồng nguyên đơn không trình bày giữa hai bên có quan hệ vay nợ nhiều lần, chỉ sau khi bị đơn xuất trình giấy nhận tiền ngày 29/7 âm thì nguyên đơn mới trình bày giữa hai bên có quan hệ vay nợ nhiều lần, ngoài lời trình bày nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng minh các khoản vay khác giữa nguyên đơn và bị đơn ngoài khoản vay ngày 28/11/2016 (âm lịch).

Nguyên đơn trình bày số tiền 50.000.000 đồng ông Hoàng Đức D trả nguyên đơn theo giấy ghi ngày 29/7 âm là tiền nợ của khoản vay trước ngày 28/11/2016 (âm lịch), giấy này là do bà viết, có ghi nội dung hẹn đến tháng 12/2016 ông Hoàng Đức D trả nốt 50.000.000 đồng còn lại. Đến hẹn, ông Hoàng Đức D không trả được tiền và ngày 28/11/2016 (âm lịch) bà đã cho ông Hoàng Đức D vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, nên ông Hoàng Đức D tự viết giấy vay tiền với tổng số tiền vay 100.000.000 đồng (bao gồm nợ cũ là 50.000.000 đồng, số tiền vay mới là 50.000.000 đồng, tổng là 100.000.000 đồng theo như giấy vay của ngày 28/11/2016 âm lịch nêu trên).

Như vậy, theo trình bày của nguyên đơn thì thời hạn để ông Hoàng Đức D thanh toán 50.000.000 đồng còn lại là tháng 12/2016 âm lịch, nhưng chưa đến hạn thanh toán thì ngày 28/11/2016 âm lịch nguyên đơn lại tiếp tục cho bị đơn vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, đúng bằng số tiền còn nợ là mâu thuẫn, không phù hợp với thực tế và cũng không có tài liệu chứng minh.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào về các khoản vay trước ngày 28/11/2016 (âm lịch). Bị đơn khẳng định chỉ được vay tiền của nguyên đơn duy nhất một lần ngày 28/11/2016 (âm lịch) như nêu trên, do đó không có căn cứ để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn còn xác lập giao dịch vay tiền nào khác ngoài lần vay tiền ngày 28/11/2016 (âm lịch). Tại nhận định [8] của bản án sơ thẩm cho rằng các đương sự trình bày không thống nhất về thời điểm bà Giang Thị C nhận 50.000.000 đồng là tiền gì, của khoản vay nào và cho rằng chưa đủ cơ sở xác định khoản tiền này có liên quan đến khoản vay

ngày 28/11/2016 (âm lịch) nên không chấp nhận việc bị đơn đã thanh toán số tiền 50.000.000 đồng là không phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ.

Việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc hai bên vay tiền nhiều lần nên không xác định được việc bị đơn trả 50.000.000 đồng cho khoản vay nào (*trong khi không có tài liệu chứng cứ chứng minh về việc vay tiền nhiều lần*), nhưng lại không chấp nhận lời trình bày của bị đơn về việc đã trả nợ số tiền 50.000.000 đồng theo giấy nhận tiền và được nguyên đơn thừa nhận, như vậy là mâu thuẫn trong đánh giá chứng cứ.

Do đó, bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng và phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với toàn bộ số tiền trên là không đảm bảo khách quan, vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ theo quy định tại Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng quyền lợi của bị đơn. Do vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ, dẫn đến việc xác định nghĩa vụ án phí của các đương sự không chính xác.

Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn ngoài trả nợ gốc và tiền lãi là 130.500.000 đồng. Bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với khoản tiền lãi, bản án sơ thẩm chỉ tuyên Đình chỉ đối với yêu cầu đòi trả lãi suất của bà Giang Thị C mà không tuyên cụ thể số tiền nguyên đơn yêu cầu trả lãi suất là bao nhiêu, cũng không nêu hậu quả pháp lý của việc đình chỉ, không áp dụng quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự về hậu quả của việc đình chỉ là thiếu căn cứ pháp luật và chưa đầy đủ.

Xét kháng cáo của ông Hoàng Đức D đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giang Thị Dung thấy: Có căn cứ xác định ông Hoàng Đức D vay bà Giang Thị Dung số tiền 100.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng số tiền này bao gồm 50.000.000 đồng của các lần vay trước ngày 28/11/2016 (âm lịch) và thêm 50.000.000 đồng của khoản vay ngày 28/11/2016 nhưng bị đơn thừa nhận giữa hai bên chỉ có khoản vay duy nhất ngày 28/11/2016 âm lịch như Giấy vay tiền. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xuất trình 01 giấy nhận tiền thể hiện nguyên đơn đã nhận số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 29/7 nhưng không ghi năm, nguyên đơn cho rằng đây là tiền trả cho các khoản vay trước, còn bị đơn cho rằng đây là tiền trả của khoản vay ngày 28/11/2016 âm lịch.

Do nguyên đơn không chứng minh được các khoản vay trước đó giữa nguyên đơn và bị đơn, còn bị đơn chỉ thừa nhận hai bên có 01 khoản vay ngày 28/11/2016 âm lịch, nguyên đơn cũng thừa nhận đã được nhận 50.000.000 đồng do bị đơn trả theo giấy nhận tiền 29/7 nên có căn cứ xác định ông Dũng đã trả bà Dung 50.000.000 đồng.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng còn lại, ông Hoàng Đức D trình bày đã đưa cho bà Nguyễn Thị V 50.000.000 đồng để trả cho bà Giang Thị D vào tháng 12/2017 âm lịch, nhưng không có tài liệu chứng minh, còn bà Vinh không liên quan gì đến việc vay mượn giữa ông Hoàng Đức D và bà Giang Thị D. Do đó,

có cơ sở xác định ông Hoàng Đức D còn nợ bà Giang Thị D 50.000.000 đồng chưa thanh toán. Việc ông Hoàng Đức D kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Đức D, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 29/8/2024 của TAND huyện Hữu Lũng theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 50.000.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn ông Hoàng Đức D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu được chấp nhận, nguyên đơn bà Giang Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về án phí phúc thẩm, do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ thứ nhất có đương sự vắng mặt nhưng đã có đại diện theo ủy quyền. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người này.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Đức D yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như bản án sơ thẩm đã tuyên và kháng nghị của Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn, nhận thấy:

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông Hoàng Đức D do ông Triệu Quang H làm đại diện vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên đơn bà Giang Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm:

[4] Tại giấy vay tiền ngày 28/11/2016 thể hiện ông Hoàng Đức D vay của bà Giang Thị D (chữ D bị viết chèn thành vừa C và vừa D) số tiền là 100.000.000 đồng, hẹn ngày 28/4/2017 sẽ trả đủ, nếu sai chịu trách nhiệm trước pháp luật. Sau khi vay tiền ông Hoàng Đức D cho rằng đã trả cho bà Giang Thị C được số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 29/7/2017 âm lịch. Còn bà Giang Thị

C thì cho rằng số tiền này là ông Hoàng Đức D trả của khoản vay trước ngày 28/11/2016 và trả ngày 29/7/2016 âm lịch chứ không phải khoản vay ngày 28/11/2016, do vậy ông Hoàng Đức D vẫn phải trả khoản gốc của số tiền ngày 28/11/2016 là 100.000.000 đồng.

[5] Xét thấy các đương sự đều thừa nhận ông Hoàng Đức D có vay tiền của bà Giang Thị C 100.000.000 đồng nhưng bị đơn cho rằng đã trả hết số tiền này làm 02 lần, cụ thể lần 1 trả 50.000.000 đồng vào ngày 29/7/2017 âm lịch, lần 2 trả 50.000.000 đồng vào tháng 12/2017 âm lịch lần trả này do ông đưa tiền cho bà Nguyễn Thị V đem trả. Còn bà Giang Thị C thì cho rằng ông Hoàng Đức D chỉ trả số tiền 50.000.000 đồng của khoản vay trước ngày 28/11/2016, thấy rằng:

[6] Ngoài giấy trả nợ ngày 29/7 âm lịch của bị đơn Hoàng Đức D đã trả được 50.000.000 đồng thì Hoàng Đức D không xuất trình được các căn cứ, tài liệu nào khác thể hiện đã trả thêm số tiền 50.000.000 đồng vào tháng 12/2017 âm lịch, do vậy kháng cáo của bị đơn Hoàng Đức D yêu cầu Tòa án bác khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

[7] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bà Giang Thị C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả toàn bộ nợ gốc là 100.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận, vì tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm bà không đưa ra được các căn cứ chứng minh bị đơn có vay tiền của bà nhiều lần trước ngày 28/11/2016 và khoản trả nợ 50.000.000 đồng vào ngày 29/7 âm lịch là của năm 2016 là của khoản vay trước đó, còn số tiền gốc 100.000.000 đồng bị đơn vẫn chưa trả. Mặt khác, khi khởi kiện nguyên đơn không trình bày giữa hai bên có việc vay nợ nhiều lần trước ngày 28/11/2016, mà chỉ sau khi bị đơn xuất trình giấy nhận tiền ngày 29/7 âm thì nguyên đơn mới trình bày giữa hai bên có quan hệ vay nợ nhiều lần. Tại phiên tòa bà cho rằng trước ngày 28/11/2016 ông Hoàng Đức D vay của bà nhiều lần, mỗi lần vay bà đều ghi vào sổ nhưng người vay không cần ký nhận và ngoài ông Hoàng Đức D vay ra còn có nhiều người cũng vay tiền của bà. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bà không xuất trình được các chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Từ những phân tích nêu trên có căn cứ xác định ông Hoàng Đức D có được vay bà Giang Thị C (D) số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 28/11/2016 âm lịch và đã trả được số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 29/7/2017 âm lịch, đến nay còn nợ 50.000.000 đồng chưa trả. Do vậy buộc ông Hoàng Đức D phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ gốc còn lại là 50.000.000 đồng cho bà Giang Thị C.

[9] Mặt khác, bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với khoản tiền lãi và bản án sơ thẩm chỉ tuyên đình chỉ đối với yêu cầu đòi trả lãi suất của bà Giang Thị C mà không tuyên cụ thể số tiền nguyên đơn yêu cầu trả lãi suất là bao nhiêu, cũng không nêu hậu quả pháp lý của việc đình chỉ trong trường hợp này là chưa đầy đủ. Đồng thời, bản án sơ thẩm thẩm tuyên



đình chỉ yêu cầu về lãi suất nhưng không áp dụng quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự về hậu quả của việc đình chỉ là thiếu căn cứ pháp luật.

[10] Do cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật chưa đầy đủ, nên cần sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng đã phân tích nêu trên.

[11] Do sửa bản án sơ thẩm về việc xác định lại bị đơn chỉ phải trả tiền nợ gốc còn lại chưa trả là 50.000.000 đồng và không phải trả số tiền lãi xuất cụ thể, nên cần xác định lại nghĩa vụ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 đồng Do yêu cầu khởi kiện của bà Giang Thị C (Giang Thị D) không được chấp nhận số tiền 50.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước; bị đơn ông Hoàng Đức D không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; .

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sửa một phần của Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST, ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Huyện Hữu, tỉnh Lạng Sơn giữa nguyên đơn bà Giang Thị C (Giang Thị D) và bị đơn ông Hoàng Đức D do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Triệu Quang H, cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 16, 19, 117, 118, 119, 120, 155, 429, 463, 465, 466, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Đình chỉ đối với yêu cầu đòi trả lãi suất của bà Giang Thị C (Giang Thị Dung) về phần yêu cầu trả lãi trên nợ gốc với số tiền 130.5000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Giang Thị C (Giang Thị D) không có quyền khởi kiện lại về phần yêu cầu này.

2. Buộc bị đơn ông Hoàng Đức D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Giang Thị C (Giang Thị D) số tiền vay gốc còn lại là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2, 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Đức D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước. Bà Giang Thị C (Giang Thị D) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Đức D không phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông Hoàng Đức H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004816, ngày 06/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hiệu lực kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoa**

**Lương Thị Nguyệt**

**Vi Đức Trí**

